

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung  
lĩnh vực hoạt động ngoại hối, thông tin tín dụng và thanh toán  
thực hiện tại bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

### **THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

Căn cứ Nghị định số 57/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng.

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

Căn cứ Thông tư số 23/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 9 năm 2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán;

Căn cứ Quyết định 21/2008/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế đại lý đổi ngoại tệ;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra giám sát ngân hàng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Vụ trưởng Vụ Thanh toán và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động ngoại hối, thông tin tín dụng và thanh toán thực

hiện tại bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

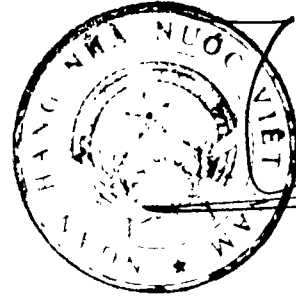
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/3/2019.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra giám sát ngân hàng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ly*

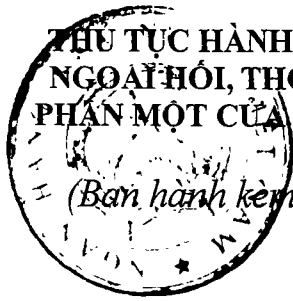
*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC – VPCP (để p/h);
- Lưu VP, VP4. *ce*

10 THỐNG ĐỐC  
PHÓ THỐNG ĐỐC



Đào Minh Tú



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG  
NGOẠI HỐI, THÔNG TIN TÍN DỤNG VÀ THANH TOÁN THỰC HIỆN TẠI BỘ  
PHẦN MỘT CỦA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG  
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm Quyết định số 350/QĐ-NHNN ngày 01 tháng 3 năm 2019  
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung thuộc phạm vi  
chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>					
1	NHNNVN- 285130	Thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)
2	NHNNVN- 285132	Thủ tục chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)
3	NHNNVN- 285133	Thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả	Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một	Hoạt động ngoại	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản

		ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	hỏi	lý ngoại hối)
4	NHNNVN-285135	Thủ tục chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)
5	B-NHA-285065-TT	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức tự doanh là ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp.	Nghị định số 16/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)
6	B-NHA-285067-TT	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức nhận ủy thác	Nghị định số 16/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)

		là ngân hàng thương mại.			
7	NHNNVN-285271	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng.	Nghị định số 16/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	Hoạt động thông tin tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
8	B-NHA-229142-TT	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Nghị định số 16/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	Hoạt động thanh toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán)

**B. Thủ tục hành chính tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố**

1	NHNNVN-285136	Thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế	Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
2	NHNNVN-285138	Thủ tục chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế	Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

			Nam.		
3	NHNNVN-285139	Thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế	Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
4	NHNNVN-285141	Thủ tục chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế	Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
5	NHNNVN-285144	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ	Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

### **A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

#### **1. Thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam**

##### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổng công ty Bưu điện Việt Nam gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo rõ lý do.

##### **- Cách thức thực hiện:**

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích).

##### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 02 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN);

+ Bản sao các giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt hợp đồng nhận và chi, trả ngoại tệ ký với đối tác nước ngoài, bao gồm những nội dung chính sau:

(i) Tên, địa chỉ, người đại diện và tư cách pháp nhân của các bên;

(ii) Số tài khoản, ngân hàng nơi mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ của trụ sở chính tổ chức kinh tế;

(iii) Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng;

(iv) Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong trường hợp người thụ hưởng có nhu cầu nhận bằng đồng Việt Nam (nếu có);

(v) Phí hoa hồng được hưởng;

(vi) Các thoả thuận khác (về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, thời hạn của hợp đồng, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, giải quyết tranh chấp phát sinh và các thoả thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật);

+ Phương án thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, bao gồm những nội dung chính sau:



- (i) Địa bàn hoạt động và nguồn nhân lực dự kiến;
  - (ii) Nội dung, phương thức, quy trình nhận và chi, trả ngoại tệ;
  - (iii) Dự kiến về doanh số, thu nhập từ hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ;
- + Báo cáo về tình hình trang thiết bị và cơ sở vật chất;
- + Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác định tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ
  - **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
  - **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam.
  - **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
  - **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ
  - **Lệ phí:** Không
  - **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**  
Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (Phụ lục 02 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN).
  - **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**
    - + Có hợp đồng với đối tác nước ngoài về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;
    - + Có phương án thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ do người đại diện hợp pháp ký.
  - **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
    - + Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;
    - + Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
    - + Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;
    - + Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;
    - + Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật

về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân.

..., ngày....tháng ....năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN  
TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  
(Vụ Quản lý ngoại hối)

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Tổng công ty Bưu điện Việt Nam đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo các nội dung sau:

Tên tổ chức kinh tế: Tổng công ty Bưu điện Việt Nam

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số....cấp ngày ..../..../....

Cơ quan cấp:

Trên cơ sở hợp đồng số ..... ngày .... tháng ..... năm ... ký giữa Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và (tên đối tác nước ngoài) .....để nhận ngoại tệ từ nước ngoài chuyển về chi trả cho người thụ hưởng trong nước;

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ với các nội dung sau:

- Các địa điểm chi, trả ngoại tệ thuộc mạng lưới bưu chính của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam theo danh sách địa điểm đính kèm theo Đơn.

- Các tài khoản chuyên dùng ngoại tệ để trực tiếp thực hiện nhận và chi, trả ngoại tệ theo danh sách tài khoản chuyên dùng ngoại tệ đính kèm theo Đơn.

Tổng công ty Bưu điện Việt Nam xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số...và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(ký tên, đóng dấu)

## **2. Thủ tục chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổng công ty Bưu điện Việt Nam gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, cấp văn bản chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo rõ lý do.

### **- Cách thức thực hiện:**

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích).

### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 5 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN);

+ Bản sao văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ đã được cấp;

+ Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt hợp đồng nhận và chi, trả ngoại tệ ký với đối tác nước ngoài còn hiệu lực;

+ Bản sao các giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;

+ Phương án thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, bao gồm những nội dung chính sau:

(i) Địa bàn hoạt động và nguồn nhân lực dự kiến;

(ii) Nội dung, phương thức, quy trình nhận và chi, trả ngoại tệ;

(iii) Dự kiến về doanh số, thu nhập từ hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Báo cáo về tình hình trang thiết bị và cơ sở vật chất;

**- Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**- Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (Phụ lục 05 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- + Có hợp đồng với đối tác nước ngoài về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;
- + Có phương án thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ do người đại diện hợp pháp ký;
- + Văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ đã được cấp còn hiệu lực tối thiểu 30 (ba mươi) ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ;
- + Không vi phạm chế độ báo cáo định kỳ về số liệu nhận và chi, trả ngoại tệ.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- + Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;
- + Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- + Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;
- + Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;
- + Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, bàn đối ngoại tệ của cá nhân.

**TỔ CHỨC KINH TẾ/  
TỔ CHỨC TÍN DỤNG/  
CHI NHÁNH NGÂN  
HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**Phụ lục 5**  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...., ngày....tháng....năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN  
TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ/ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI,  
TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi : - Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối)  
(đối với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam)  
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....Cấp ngày:...../...../

Cơ quan cấp:

Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) số .... cấp ngày: ..../....

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Chúng tôi đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ) với nội dung như sau:

1. ....
2. ....
3. ....

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại lý chi, trả ngoại tệ, (Tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số...và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(ký tên, đóng dấu)

### **3. Thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam**

#### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổng công ty Bưu điện Việt Nam gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo rõ lý do.

#### **- Cách thức thực hiện:**

- + Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);
- + Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích).

#### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 04 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN);

+ Bản sao các giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ ký với tổ chức ủy quyền bao gồm những nội dung chính sau: Phương thức chi, trả; mạng lưới chi, trả; tỷ lệ phí hoa hồng; quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Hợp đồng;

+ Báo cáo về tình hình trang thiết bị và cơ sở vật chất.

**- Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**- Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ.

**- Lệ phí:** Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;**

Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (Phụ lục 04 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Được tổ chức tín dụng được phép uỷ quyền làm đại lý chi, trả ngoại tệ.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;

+ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

+ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, bàn đối ngoại tệ của cá nhân.



..., ngày...tháng ...năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN  
ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  
(Vụ Quản lý ngoại hối)

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Tổng công ty Bưu điện Việt Nam đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ theo các nội dung sau:

Tên tổ chức: Tổng công ty Bưu điện Việt Nam

Trụ sở tại:

Số điện thoại:

Số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....cấp ngày ...../...../.....

Cơ quan cấp:

Trên cơ sở hợp đồng ủy quyền làm đại lý chi, trả ngoại tệ số .....ngày.....ký giữa Tổng công ty Bưu điện Việt Nam với (tên tổ chức ủy quyền) .....

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt nam xem xét, chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ tại các địa điểm chi, trả ngoại tệ thuộc mạng lưới bưu chính của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (danh sách địa điểm được đính kèm theo Đơn).

Tổng công ty Bưu điện Việt Nam xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số.....và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(ký tên, đóng dấu)

#### **4. Thủ tục chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam**

##### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổng công ty Bưu điện Việt Nam gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, cấp văn bản chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo rõ lý do.

##### **- Cách thức thực hiện:**

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích).

##### **-Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 05 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN);

+ Bản sao văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ đã được cấp;

+ Bản sao hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ ký với tổ chức ủy quyền còn hiệu lực;

+ Bản sao các giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;

+ Báo cáo về tình hình trang thiết bị và cơ sở vật chất.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;**

Đơn đề nghị chấp thuận gia hạn đăng ký chi, trả ngoại tệ (Phụ lục 05 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- + Được tổ chức tín dụng ủy quyền làm đại lý chi, trả ngoại tệ;
- + Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ đã được cấp còn hiệu lực tối thiểu 30 (ba mươi) ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ;
- + Không vi phạm chế độ báo cáo định kỳ về số liệu nhận và chi, trả ngoại tệ.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- + Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;
- + Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- + Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;
- + Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;
- + Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân.

TỔ CHỨC KINH TẾ/  
TỔ CHỨC TÍN DỤNG/  
CHI NHÁNH NGÂN  
HÀNG NƯỚC NGOÀI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng....năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN  
TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ/ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI,  
TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi : - Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối)  
(đối với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam)  
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy  
chứng nhận đăng ký đầu tư số....Cấp ngày:...../...../.....

Cơ quan cấp:

Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận  
trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) số .... cấp ngày: ..../....

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của  
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận  
và chi, trả ngoại tệ;

Chúng tôi đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn văn bản chấp thuận trực tiếp  
nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại  
tệ) với nội dung như sau:

1. ....
2. ....
3. ....

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung  
thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại  
lý chi, trả ngoại tệ, (Tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại  
Thông tư số...và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

(ký tên, đóng dấu)

## **5. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức tự doanh là ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp có nhu cầu thực hiện hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 05 (năm) bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ;

+ Bước 2: Trong thời hạn 35 (ba mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **- Cách thức thực hiện:**

- + Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);
- + Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích).

### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 10;

+ Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán 05 (năm) năm liên tục liền trước năm nộp hồ sơ;

+ Bản sao văn bản quyết toán thuế hoặc văn bản xác nhận của cơ quan thuế chứng minh việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước Việt Nam, không có nợ thuế với ngân sách nhà nước;

+ Báo cáo về việc tuân thủ các quy định về giới hạn tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của năm liền kề năm nộp hồ sơ;

+ Quy định nội bộ về quản lý hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, trong đó có nội dung về cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, nhận dạng và quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân sự phục vụ cho hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

+ Báo cáo về việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn nhà nước (đối với ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp có sở hữu vốn nhà nước) trong năm trước liền kề năm nộp hồ sơ.

**- Số lượng hồ sơ: 05 bộ.**

**- Thời hạn giải quyết: 35 ngày.**

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Được phép hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế;

+ *Có lãi trong 03 năm liên tục liền trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài được thể hiện trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán và không có ý kiến ngoại trừ trọng yếu theo quy định của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính phải được kiểm toán bởi các tổ chức kiểm toán độc lập không nằm trong danh sách các tổ chức kiểm toán không được kiểm toán đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước công bố;*

+ Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, không có nợ thuế với ngân sách nhà nước;

+ Có quy trình nội bộ, cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, nhận dạng và quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

+ Tuân thủ quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ *Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

+ Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

+ Thông tư số 10/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

### Phụ lục 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 06 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước)

**TÊN TỔ CHỨC**

Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....ngày ...tháng...năm....

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 135/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

{Ngân hàng thương mại/công ty tài chính tổng hợp} đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài với các nội dung cụ thể sau đây:

1. Tên của ngân hàng thương mại/công ty tài chính tổng hợp: (Ghi đầy đủ tên của tổ chức bằng chữ in hoa)

2. Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp số.... ngày....

Điện thoại: .....Fax: ..... Email: ..... Website: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

3. Quy mô vốn tự có tại thời điểm đăng ký:.....

4. Phạm vi hoạt động tự doanh:.....

5. Thời gian hoạt động tự doanh (dự kiến):.....

6. {Ngân hàng thương mại/công ty tài chính tổng hợp} xin cam kết:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

b) Chỉ thực hiện tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trong phạm vi hạn mức tự doanh được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, tỷ lệ đầu tư an toàn và công cụ được phép đầu tư gián tiếp ở nước ngoài quy định tại

khoản 3 Điều 8 Nghị định 135/2015/NĐ-CP và quy định của Ngân hàng Nhà nước;

c) Đảm bảo đáp ứng và duy trì các điều kiện để thực hiện tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI/CÔNG  
TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

(ký tên, đóng dấu)



## **6. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức nhận ủy thác là ngân hàng thương mại**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Ngân hàng thương mại có nhu cầu thực hiện hoạt động nhận ủy thác nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 05 (năm) bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ;

+ Bước 2: Trong thời hạn 35 (ba mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho ngân hàng thương mại. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **- Cách thức thực hiện:**

- + Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);
- + Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích).

### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 10;

+ Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán 05 (năm) năm liên tục liền trước năm nộp hồ sơ;

+ Bản sao văn bản quyết toán thuế hoặc văn bản xác nhận của cơ quan thuế chứng minh việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước Việt Nam, không có nợ thuế với ngân sách nhà nước;

+ Quy định nội bộ về quản lý hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, trong đó có nội dung về nhận dạng và quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động nhận ủy thác để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

+ Báo cáo về tình hình tuân thủ các quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động nhận ủy thác của ngân hàng thương mại của năm liền kề năm nộp hồ sơ;

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân sự phục vụ cho hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

- **Số lượng hồ sơ:** 05 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 35 ngày.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ *Có lãi trong 03 năm liên tục liền trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài được thể hiện trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán và không có ý kiến ngoại trừ trọng yếu theo quy định của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập không nằm trong danh sách các tổ chức kiểm toán không được kiểm toán đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố;*

+ Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, không có nợ thuế với ngân sách nhà nước;

+ Có quy định nội bộ về quản lý hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, trong đó có nội dung về nhận dạng và quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động nhận ủy thác để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

+ Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật chuyên ngành về các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức nhận ủy thác.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ *Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

+ Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

+ Thông tư số 10/2016/TT-NHH ngày 29/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

**Phụ lục 05**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 06 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước)*

**TÊN TỔ CHỨC**

Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**

**NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.....ngày ...tháng...năm....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG  
NHẬN ỦY THÁC ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định 135/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

{*Ngân hàng thương mại*} đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài với nội dung cụ thể sau đây:

1. Tên Ngân hàng thương mại: (*Ghi đầy đủ tên của tổ chức bằng chữ in hoa*)

2. Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp số:

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: .....Fax: ..... Email: ..... Website:

.....

3. Quy mô tài sản nhận ủy thác: ...

4. Phạm vi hoạt động nhận ủy thác:.....

5. Thời gian thực hiện hoạt động nhận ủy thác (dự kiến):.....

6. {*Ngân hàng thương mại*} xin cam kết:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

b) Chỉ thực hiện hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trong phạm vi hạn mức nhận ủy thác được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, công cụ được phép đầu tư gián tiếp ở nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định 135/2015/NĐ-CP và quy định của Ngân hàng Nhà nước;



- c) Không ủy thác lại cho bên thứ ba ở trong nước;
- d) Đảm bảo đáp ứng, duy trì các điều kiện để thực hiện hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan;
- đ) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP  
CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**  
*(ký tên, đóng dấu)*

## **7. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tin dụng của Công ty thông tin tin dụng**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Doanh nghiệp lập và nộp hồ sơ đến NHNN;

+ Bước 2: NHNN thẩm định hồ sơ và ra quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tin dụng hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận.

### **- Cách thức thực hiện:**

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

### **- Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu số 01/TTTD (bản chính);

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao);

- Điều lệ của doanh nghiệp (bản sao);

- Hợp đồng với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng (bản sao);

- Danh mục và bản thuyết minh về trang thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm tin học phục vụ cho hoạt động thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp sản phẩm thông tin tin dụng (bản chính);

- Xác nhận của ngân hàng thương mại về số dư tài khoản tiền gửi đồng Việt Nam, vàng, ngoại tệ; xác nhận của tổ chức định giá chuyên nghiệp đối với các tài sản góp vốn khác; hoặc xác nhận của tổ chức kiểm toán về vốn điều lệ của doanh nghiệp (bản chính);

- Bảng kê danh sách các chức danh thuộc đội ngũ quản lý của doanh nghiệp (bản chính);

- Lý lịch tóm tắt của đội ngũ quản lý theo mẫu số 02/TTTD (bản chính); kèm theo các văn bằng, chứng chỉ, xác nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực chuyên ngành của tổ chức liên quan theo quy định;

- Phương án kinh doanh theo mẫu số 03/TTTD (bản chính);

- Văn bản của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cam kết cung cấp thông tin tin dụng cho doanh nghiệp theo mẫu số 04/TTTD (bản sao);

- Văn bản thỏa thuận về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tin dụng giữa doanh nghiệp với các tổ chức cấp tín dụng đã cam kết theo quy định (bản sao).

- **Số lượng hồ sơ:** Doanh nghiệp nộp 05 bộ hồ sơ, trong đó có tối thiểu 2 bộ đầy đủ theo quy định trong thành phần hồ sơ, còn lại là các bản sao chụp có đóng dấu giáp lai.

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tin dụng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tin dụng. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, NHNN phải trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu số 01/TTTD; Lý lịch tóm tắt của đội ngũ quản lý theo mẫu số 02/TTTD; Phương án kinh doanh theo mẫu số 03/TTTD; Văn bản của các *tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài* cam kết cung cấp thông tin tín dụng cho doanh nghiệp theo mẫu số 04/TTTD.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Có hệ thống cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tối thiểu sau đây:

+ Có tối thiểu 02 (hai) đường truyền số liệu, trong đó mỗi đường truyền được cung cấp bởi 01 (một) nhà cung cấp dịch vụ, để đảm bảo duy trì việc truyền đưa liên tục thông tin số;

+ Có trang thiết bị công nghệ thông tin phù hợp với mặt bằng công nghệ của hệ thống tổ chức cấp tín dụng và có khả năng tích hợp, kết nối được với các tổ chức cấp tín dụng;

+ Có hệ thống máy chủ, hệ thống phần mềm tin học và các giải pháp kỹ thuật để cập nhật, xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng, thực hiện dịch vụ thông tin tín dụng đối với tối thiểu 5.000.000 (Năm triệu) khách hàng vay;

+ Có phương án bảo mật, an toàn thông tin;

+ Có phương án dự phòng thảm họa, đảm bảo không bị gián đoạn các hoạt động nghiệp vụ chính quá 04 (bốn) giờ làm việc.

- Có vốn điều lệ tối thiểu 30 tỷ đồng.

- Có người quản lý doanh nghiệp và thành viên Ban kiểm soát đáp ứng các điều kiện sau:

+ Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty

Có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin.

+ Đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh

Có bằng đại học hoặc trên đại học, trong đó ít nhất 50% số thành viên có (i) bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và (ii) ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin.

+ Đối với Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty

Có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất 02 (hai) năm giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin.

+ Đối với thành viên Ban Kiểm soát

Có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất 02 (hai) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, công nghệ thông tin.

+ Thời gian làm việc trực tiếp trong lĩnh vực công tác của người quản lý doanh nghiệp và thành viên Ban kiểm soát là thời gian được tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc phân công làm việc trong lĩnh vực đó.

- Có phương án kinh doanh khả thi và không được kinh doanh ngành nghề khác ngoài nội dung hoạt động thông tin tín dụng quy định tại Nghị định này.

- *Có tối thiểu 15 tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô) ngân hàng thương mại kết cung cấp thông tin tín dụng và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài này không có cam kết tương tự với công ty thông tin tín dụng khác.*

- Có văn bản thoả thuận về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với các tổ chức cấp tín dụng đã cam kết, trong đó phải có những nội dung tối thiểu sau đây:

+ Nội dung, phạm vi thông tin tín dụng được cung cấp;

+ Thời gian, địa điểm, phương thức cung cấp, truyền đưa thông tin, dữ liệu, sản phẩm thông tin tín dụng;

+ Nguyên tắc, phạm vi, mục đích sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng;

+ Nghĩa vụ thông báo cho khách hàng vay về việc sử dụng thông tin tín dụng của khách hàng vay;

+ Trách nhiệm của các bên trong việc điều chỉnh, sửa chữa sai sót trong quá trình cập nhật, truyền đưa, xử lý, lưu giữ, khai thác sử dụng thông tin;

+ Trách nhiệm của các bên trong việc rà soát, đối chiếu, kiểm tra chất lượng và lưu giữ thông tin tín dụng;

+ Trách nhiệm và sự phối hợp của các bên khi giải quyết khiếu nại của khách hàng vay;

+ Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp;

+ Hiệu lực của văn bản thoả thuận và đơn phương chấm dứt việc thực hiện thoả thuận;

+ Các quyền, nghĩa vụ khác của các bên trong quá trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng.

#### **- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/2/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

+ Nghị định số 57/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

+ *Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

+ Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25/6/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/2/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

+ Thông tư số 27/2014/TT-NHNN ngày 18/9/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25/6/2010 về hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/2/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

+ Thông tư số 23/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

+ Thông tư số 43/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng.



Số:.....

....., ngày.....tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Thông tư số... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, Doanh nghiệp...(\*) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng sau đây:

1. Tên của Công ty thông tin tín dụng :

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh
- Tên giao dịch (nếu có)

2. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

3. Người đại diện theo pháp luật:

Họ tên..... Chức danh.....

4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:

5. Nội dung hoạt động:

6. Vốn điều lệ:

7 (\*\*). Tài khoản phong toả đã mở tại Ngân hàng thương mại chi nhánh...

- Số hiệu tài khoản:.....

- Số vốn đã gửi :.....

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng, chúng tôi sẽ thực hiện việc đăng ký ngày khai trương và đăng báo theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và điều lệ Công ty thông tin tín dụng, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Nơi nhận:**

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY... (\*\*\*)**

- Như trên;
- Lưu VT

(Ký tên, đóng dấu)

**Hồ sơ đính kèm:**

- Liệt kê các giấy tờ quy định tại Điều 5 TT số...

**Ghi chú:**

(\*) Tên Công ty thông tin tín dụng

(\*\*) Chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập sau khi Nghị định số 10/2010/NĐ-CP có hiệu lực;

(\*\*\*) Là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**LÝ LỊCH TÓM TẮT**

**1. Về bản thân**

- Họ và tên khai sinh.....
- Họ và tên thường gọi.....
- Bí danh.....
- Ngày tháng năm sinh.....
- Nơi sinh.....
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có).....
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú; địa chỉ theo chứng minh nhân dân; Nơi ở hiện nay.....
- Số chứng minh thư, nơi cấp, ngày cấp chứng minh hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác .....
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân)

Ảnh hộ chiếu  
(4x6)

**2. Trình độ học vấn**

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khoá học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

**3. Quá trình công tác**

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính
- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại Công ty thông tin tín dụng và các tổ chức khác.
- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).
- Khen thưởng, kỷ luật ( nếu có).

**4. Cam kết trước pháp luật**

- Tôi,....., cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và điều lệ Công ty thông tin tín dụng.....
- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

....., ngày... tháng... năm ...

**Xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền**

**Người khai**

(Xác nhận của UBND cấp có thẩm quyền  
nơi người khai đăng ký hộ khẩu thường trú  
hoặc cơ quan người khai đang làm việc)

(ký, ghi đầy đủ họ tên)

Ghi chú: Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội  
dung khác nếu thấy cần thiết

Số:.....

....., ngày.....tháng..... năm.....

**PHƯƠNG ÁN KINH DOANH  
HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Căn cứ Thông tư số... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, Doanh nghiệp (\*)... lập Phương án kinh doanh hoạt động thông tin tín dụng như sau:

1. Sự cần thiết thành lập công ty
2. Tên công ty, địa điểm đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động (không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động thông tin tín dụng).
3. Cơ cấu đội ngũ quản lý
  - a) Sơ đồ tổ chức bộ máy hoạt động của công ty;
  - b) Nhân sự dự kiến của đội ngũ quản lý:
4. Năng lực quản lý rủi ro
  - a) Các loại rủi ro dự kiến phát sinh trong quá trình hoạt động (rủi ro hoạt động, rủi ro đạo đức, rủi ro thị trường);
  - b) Khả năng biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động thông tin tín dụng.
5. Công nghệ thông tin
  - a) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;
  - b) Mô tả khả năng áp dụng công nghệ thông tin, loại hình công nghệ dự kiến áp dụng trong quá trình hoạt động từ khâu thu thập, xử lý thông tin, tạo lập sản phẩm thông tin đến truyền đưa, lưu giữ dữ liệu thông tin; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin.
  - c) Hệ thống phần mềm tin học và các giải pháp kỹ thuật để sắp xếp, mã hoá cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu bảo mật, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu;
  - đ) Hệ thống dự phòng thảm họa có thể bảo đảm duy trì mọi hoạt động công nghệ thông tin của Công ty thông tin tín dụng khi xảy ra sự cố với thời gian gián đoạn ngắn nhất;
6. Khả năng thu thập, xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng, tạo lập và cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng:

- a) Dự kiến về nguồn, phạm vi, phương thức thu thập thông tin; các tổ chức, cá nhân đã cam kết cung cấp thông tin và khả năng duy trì, phát triển các đơn vị cung cấp thông tin;
- b) Các sản phẩm, dịch vụ dự kiến cung cấp, đối tượng sử dụng và khả năng duy trì, phát triển đối tượng sử dụng sản phẩm;
- c) Mô tả quy trình xử lý thông tin thu thập được để tạo lập cơ sở dữ liệu; quy trình tạo lập, cung cấp sản phẩm tin tức; lưu giữ dữ liệu, sản phẩm thông tin tin tức;

7. Khả năng đứng vững và phát triển của công ty trên thị trường:

- a) Phân tích và đánh giá thị trường thông tin tin tức (thực trạng, thách thức và triển vọng);
- b) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của công ty, trong đó chứng minh được lợi thế của công ty khi tham gia thị trường;
- c) Chiến lược của công ty trong việc phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động, việc cung cấp và phát triển các dịch vụ thông tin tin tức (phân tích rõ các dịch vụ dự kiến công ty sẽ cung cấp, loại khách hàng và số lượng khách hàng...).

8. Dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh trong 03 năm đầu (trong đó tối thiểu phải bao gồm: Bảng tổng kết tài sản, báo cáo kết quả kinh doanh, việc bảo toàn vốn điều lệ, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động) và thuyết minh khả năng thực hiện kế hoạch trong từng năm.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT

**Hồ sơ đính kèm:**

- Các giấy tờ, tài liệu chứng minh tính khả thi của Phương án kinh doanh.

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (\*) Tên Công ty thông tin tin tức
- Ngoài các nội dung tối thiểu trên, doanh nghiệp có thể trình bày thêm các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

**CAM KẾT CUNG CẤP THÔNG TIN  
CHO CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Căn cứ Thông tư số... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng; xét khả năng và nhu cầu cung cấp, sử dụng thông tin tín dụng giữa các bên, *Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài...* cam kết:

1. Cung cấp trung thực, đầy đủ, kịp thời các thông tin tín dụng về khách hàng vay tại *tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài...* cho Doanh nghiệp... theo văn bản thoả thuận số.... giữa các bên về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng, khi Doanh nghiệp... được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng.
2. Không cung cấp thông tin tín dụng về khách hàng vay tại *tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài...* cho Công ty thông tin tín dụng khác.
3. Cam kết cung cấp thông tin này đương nhiên hết hiệu lực trong trường hợp Doanh nghiệp... không được cấp Giấy chứng nhận, hoặc Công ty TTTD chấm dứt hoạt động, hoặc theo sự thoả thuận giữa các bên.

*Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài...* cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và thoả thuận giữa các bên, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH  
NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI...**

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Ngoài những nội dung tối thiểu trên, *tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài* có thể bổ sung thêm những nội dung khác nếu thấy cần thiết.



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../NHNN-GCN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG  
(BẢN CHÍNH)  
THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng nhà nước;*

Căn cứ Nghị định số ..../...../NĐ-CP ngày ..... của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày ..... của Thống đốc Ngân hàng nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng...,

**CHỨNG NHẬN:**

Tên Công ty thông tin tín dụng: .....

Tên đối ngoại: .....

Tên viết tắt: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: .....

Do: .....cấp ngày .....

Nơi đặt trụ sở chính: .....

Người đại diện theo pháp luật:.....; chức vụ .....

Quốc tịch:..... số CMND:.....

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận này, đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng theo quy định pháp luật.

Công ty thông tin tín dụng có trách nhiệm duy trì liên tục các điều kiện hoạt động đã được chứng nhận của Ngân hàng nhà nước và không được kinh doanh bất kỳ ngành nghề nào khác.

**THỐNG ĐỐC**  
(Ký tên, đóng dấu)



## **8. Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổ chức xin cấp Giấy phép gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép (bao gồm 05 bộ) qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tới Ngân hàng Nhà nước.

+ Bước 2: Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước sẽ thẩm định và cấp Giấy phép hoặc có văn bản từ chối cấp phép trong đó nêu rõ lý do.

### **- Cách thức thực hiện:**

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích).

### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu do Ngân hàng Nhà nước quy định;

+ Biên bản hoặc Nghị quyết họp Hội đồng thành viên, Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ hoạt động của tổ chức) thông qua Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

+ Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

+ Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật và Biên bản nghiệm thu thử nghiệm kỹ thuật với một tổ chức hợp tác;

+ Hồ sơ về nhân sự: Sơ yếu lý lịch, bản sao được chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của những người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và các cán bộ chủ chốt thực hiện Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

+ Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức (bản sao được chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu).

- **Số lượng hồ sơ:** 05 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 60 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép

- **Lệ phí:** 10.000.000 đồng/01giấy phép

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Các tổ chức không phải là ngân hàng muốn cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải đảm bảo đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Có giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

+ Có *Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức phê duyệt, trong đó tối thiểu phải có các nội dung:*

(i) *Quy trình nghiệp vụ kỹ thuật của dịch vụ đề nghị cấp phép, gồm: Tên, phạm vi cung ứng, đối tượng khách hàng, điều kiện sử dụng, sơ đồ và diễn giải các bước thực hiện nghiệp vụ, quy trình dòng tiền từ lúc khởi tạo giao dịch đến lúc quyết toán nghĩa vụ giữa các bên liên quan;*

(ii) *Cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán, gồm: Cơ chế mở và duy trì số dư tài khoản đảm bảo thanh toán, mục đích sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán;*

(iii) *Quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ; quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật; các nguyên tắc chung và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền; quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp;*

+ Có vốn điều lệ tối thiểu là 50 tỷ đồng;

+ *Điều kiện về nhân sự:*

(i) *Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức xin phép phải có bằng đại học trở lên hoặc có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp tại một trong các lĩnh vực quản trị kinh doanh, kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật;*

(ii) *Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các cán bộ chủ chốt thực hiện Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (gồm Trưởng phòng (ban) hoặc tương đương và các cán bộ kỹ thuật) có bằng cao đẳng trở lên về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin hoặc lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm;*

+ Điều kiện về kỹ thuật: Có cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công nghệ thông tin, giải pháp công nghệ phù hợp với yêu cầu của hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; hệ thống kỹ thuật dự phòng xây dựng độc lập với hệ thống chính đảm bảo cung cấp dịch vụ an toàn và liên tục khi hệ thống chính có sự cố và tuân thủ các quy định khác về đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng;

+ Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, tổ chức cung ứng dịch vụ phải được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan;

+ Đối với dịch vụ hỗ trợ dịch vụ thanh toán cho các khách hàng có tài khoản tại nhiều ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ phải kết nối với một tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính và dịch vụ bù trừ điện tử được Ngân hàng Nhà nước cấp phép để thực hiện chuyển mạch và xử lý bù trừ các nghĩa vụ phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

+ Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

+ *Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

+ Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán;

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

## PHỤ LỤC SỐ 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**TÊN TỔ CHỨC  
XIN CẤP GIẤY PHÉP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày ... tháng ... năm ...

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN**

**Kính gửi:** Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Thông tư số .../2014/TT-NHNN ngày .../.../2014 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên/ Đại hội đồng cổ đông/ hoặc Hội đồng quản trị của tổ chức đề nghị cấp Giấy phép ngày ... tháng ... năm ... thống nhất về việc xin cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

Tổ chức xin cấp Giấy phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Tổ chức xin cấp Giấy phép:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Giấy phép thành lập/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... được cấp bởi ... ngày ... tháng ... năm ...

3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email.

5. Tên, nội dung (các) dịch vụ trung gian thanh toán đề nghị cấp Giấy phép:

- Dịch vụ chuyển mạch tài chính;
- Dịch vụ bù trừ điện tử;

- ...

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các điều kiện quy định tại Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Thông tư số .../2014/TT-NHNN ngày .../.../2014 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán. Nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

***Hồ sơ đính kèm:***

- 1.
- 2.

## **B. Thủ tục hành chính tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố**

### **1. Thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế**

#### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổ chức kinh tế gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính xem xét, cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính có văn bản thông báo rõ lý do.

#### **- Cách thức thực hiện:**

- + Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);
- + Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích).

#### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 01 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN);

+ Bản sao các giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt hợp đồng nhận và chi, trả ngoại tệ ký với đối tác nước ngoài, bao gồm những nội dung chính sau:

(i) Tên, địa chỉ, người đại diện và tư cách pháp nhân của các bên;

(ii) Số tài khoản, ngân hàng nơi mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ của trụ sở chính tổ chức kinh tế;

(iii) Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng;

(iv) Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong trường hợp người thụ hưởng có nhu cầu nhận bằng đồng Việt Nam (nếu có);

(v) Phí hoa hồng được hưởng;

(vi) Các thoả thuận khác (về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, thời hạn của hợp đồng, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, giải quyết tranh chấp phát sinh và các thoả thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật);

+ Phương án thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, bao gồm những nội dung chính sau:

(i) Địa bàn hoạt động và nguồn nhân lực dự kiến;

(ii) Nội dung, phương thức, quy trình nhận và chi, trả ngoại tệ;

(iii) Dự kiến về doanh số, thu nhập từ hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Báo cáo về tình hình trang thiết bị và cơ sở vật chất;

+ Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác định tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (Phụ lục 01 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ *Có hợp đồng với đối tác nước ngoài về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;*

+ *Có phương án thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ do người đại diện hợp pháp ký.*

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;

+ *Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

+ Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

+ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân.



**TÊN TỔ CHỨC  
KINH TẾ**

**Phụ lục 1**  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày....tháng ....năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN  
TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

(Tên tổ chức kinh tế) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh .....cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo các nội dung sau:

Tên tổ chức kinh tế:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....cấp ngày ../.../....

Cơ quan cấp:

Trên cơ sở hợp đồng số ..... ngày .... tháng ..... năm ... ký giữa (tên tổ chức kinh tế)....và (tên đối tác nước ngoài) .....để nhận ngoại tệ từ nước ngoài chuyển về chi trả cho người thụ hưởng trong nước;

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.... xem xét, chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ tại các địa điểm sau:

STT	Tên tổ chức trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ		
	Địa điểm chi trả	Địa chỉ	Điện thoại, Fax
1	Trụ sở chính		
2	Địa điểm chi trả số 1		
3	Địa điểm chi trả số 2		
n	Địa điểm chi trả số n (địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính)		

Tài khoản chuyên dùng ngoại tệ để trực tiếp thực hiện nhận và chi, trả ngoại tệ:

1. Trụ sở chính:

**Tên ngân hàng mở tài khoản:**

STT	Loại tài khoản	Số tài khoản
1	USD	
2	EUR	
3	GBP	
...	....	

2. Địa điểm chi trả số... :

**Tên ngân hàng mở tài khoản :**

STT	Loại tài khoản	Số tài khoản
1	USD	
2	EUR	
3	GBP	
...	....	

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, (tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số...và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(ký tên, đóng dấu)

## **2. Thủ tục chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổ chức kinh tế gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính xem xét, cấp văn bản chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính có văn bản thông báo rõ lý do.

### **- Cách thức thực hiện:**

- + Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);
- + Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích).

### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 5 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN);

+ Bản sao văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ đã được cấp;

+ Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt hợp đồng nhận và chi, trả ngoại tệ ký với đối tác nước ngoài còn hiệu lực;

+ Bản sao các giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;

+ Phương án thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, bao gồm những nội dung chính sau:

(i) Địa bàn hoạt động và nguồn nhân lực dự kiến;

(ii) Nội dung, phương thức, quy trình nhận và chi, trả ngoại tệ;

(iii) Dự kiến về doanh số, thu nhập từ hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Báo cáo về tình hình trang thiết bị và cơ sở vật chất;

**- Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**- Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (Phụ lục 05 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ *Có hợp đồng với đối tác nước ngoài về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;*

+ *Có phương án thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ do người đại diện hợp pháp ký;*

+ *Văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ đã được cấp còn hiệu lực tối thiểu 30 (ba mươi) ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ;*

+ *Không vi phạm chế độ báo cáo định kỳ về số liệu nhận và chi, trả ngoại tệ.*

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;

+ *Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

+ Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

+ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân.

**TỔ CHỨC KINH TẾ/  
TỔ CHỨC TÍN DỤNG/  
CHI NHÁNH NGÂN  
HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày....tháng....năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN  
TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ/ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI,  
TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi : - Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối)  
(đối với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam)  
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....Cấp ngày:...../...../

Cơ quan cấp:

Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) số .... cấp ngày: ..../.....

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Chúng tôi đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ) với nội dung như sau:

1. ....
2. ....
3. ....

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại lý chi, trả ngoại tệ, (Tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số...và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(ký tên, đóng dấu)

### **3. Thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế**

#### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổ chức kinh tế gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính xem xét, cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính có văn bản thông báo rõ lý do.

#### **- Cách thức thực hiện:**

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích).

#### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 03 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN);

+ Bản sao các giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ ký với tổ chức ủy quyền bao gồm những nội dung chính sau: Phương thức chi, trả; mạng lưới chi, trả; tỷ lệ phí hoa hồng; quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Hợp đồng;

+ Báo cáo về tình hình trang thiết bị và cơ sở vật chất.

**- Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**- Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng chưa được phép hoạt động ngoại hối, tổ chức kinh tế.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ.

**- Lệ phí:** Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (Phụ lục 03 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Được tổ chức tín dụng được phép uỷ quyền làm đại lý chi, trả ngoại tệ.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;

+ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

+ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân.

**TỔ CHỨC KINH TẾ/  
TỔ CHỨC TÍN DỤNG/  
CHI NHÁNH NGÂN  
HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**Phụ lục 3**  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng .....năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN  
ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.....

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

(Tên tổ chức) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh .....cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ theo các nội dung sau:

Tên tổ chức:

Trụ sở tại:

Số điện thoại:

Số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....cấp ngày ...../...../.....

Cơ quan cấp:

Trên cơ sở hợp đồng uỷ quyền làm đại lý chi, trả ngoại tệ số .....ngày.....ký giữa (tên tổ chức làm đại lý).....với (tên tổ chức uỷ quyền) .....

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh .....xem xét, chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ với các nội dung sau:

STT	Tên tổ chức làm đại lý chi trả ngoại tệ		
	Địa điểm chi trả	Địa chỉ	Điện thoại, Fax
1	Trụ sở chính		
2	Địa điểm chi trả số 1		
3	Địa điểm chi trả số 2		
n	Địa điểm chi trả số n (địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính)		



(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ, (tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số...và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
*(ký tên, đóng dấu)*

#### **4. Thủ tục chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế**

##### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổ chức kinh tế gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính xem xét, cấp văn bản chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính có văn bản thông báo rõ lý do.

##### **- Cách thức thực hiện:**

- + Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);
- + Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích).

##### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 05 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN);

+ Bản sao văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ đã được cấp;

+ Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt hợp đồng nhận và chi, trả ngoại tệ ký với đối tác nước ngoài còn hiệu lực.

+ Bản sao các giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;

+ Báo cáo về tình hình trang thiết bị và cơ sở vật chất.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng chưa được phép hoạt động ngoại hối, tổ chức kinh tế.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị chấp thuận gia hạn đăng ký chi, trả ngoại tệ (Phụ lục 05 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- + Được tổ chức tín dụng được phép ủy quyền làm đại lý chi, trả ngoại tệ;
- + Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ đã được cấp còn hiệu lực tối thiểu 30 (ba mươi) ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ;
- + Không vi phạm chế độ báo cáo định kỳ về số liệu nhận và chi, trả ngoại tệ.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- + Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;
- + Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- + Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;
- + Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;
- + Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, bàn đối ngoại tệ của cá nhân.

**TỔ CHỨC KINH TẾ/ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỔ CHỨC TÍN DỤNG/  
CHI NHÁNH NGÂN  
HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...., ngày....tháng....năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN  
TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ/ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI,  
TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi : - Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối)  
(đối với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam)  
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....Cấp ngày:...../...../

Cơ quan cấp:

Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) số .... cấp ngày: ..../....

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Chúng tôi đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ) với nội dung như sau:

1. ....
2. ....
3. ....

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại lý chi, trả ngoại tệ, (Tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số...và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

(ký tên, đóng dấu)

## **5. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổ chức kinh tế gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế đặt đại lý đối ngoại tệ.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính có văn bản thông báo rõ lý do.

### **- Cách thức thực hiện:**

- + Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);
- + Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích).

### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đối ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy chế này);

+ Văn bản cam kết của tổ chức kinh tế kèm bản sao giấy tờ chứng minh (nếu có) về việc đặt đại lý đối ngoại tệ tại địa điểm theo quy định của Chính phủ về điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đối ngoại tệ; cam kết của tổ chức kinh tế về việc chỉ làm đại lý đối ngoại tệ cho một tổ chức tín dụng được phép;

+ Bản sao giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;

+ Báo cáo về tình hình trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đối ngoại tệ;

+ Giấy xác nhận do tổ chức tín dụng ủy quyền cấp cho nhân viên trực tiếp làm ở đại lý đối ngoại tệ, trong đó xác nhận nhân viên đã được đào tạo, tập huấn kỹ năng nhận biết ngoại tệ thật, giả;

+ Quy trình nghiệp vụ đối ngoại tệ bao gồm các nội dung chính sau: có biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình đối ngoại tệ; việc ghi chép, xuất hóa đơn cho khách hàng, lưu giữ chứng từ, hóa đơn, sổ sách; chế độ hạch toán, kế toán; chế độ báo cáo;

+ Bản sao hợp đồng đại lý đối ngoại tệ ký với tổ chức tín dụng ủy quyền, bao gồm những nội dung chính sau:

(i) Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính, số điện thoại cần liên hệ của các bên ký kết hợp đồng;

(ii) Tên, địa chỉ các đại lý đổi ngoại tệ;

(iii) Quy định đại lý đổi ngoại tệ chỉ được mua ngoại tệ bằng tiền mặt (trừ các đại lý đặt ở khu cách ly tại các cửa khẩu quốc tế) và bán lại số ngoại tệ tiền mặt đổi được (ngoài số ngoại tệ tồn quỹ được để lại) cho tổ chức tín dụng ủy quyền;

(iv) Quy định về nguyên tắc xác định tỷ giá mua, bán (đối với đại lý đặt ở các khu cách ly tại các cửa khẩu quốc tế) đối với khách hàng và tỷ giá bán lại ngoại tệ tiền mặt cho tổ chức tín dụng ủy quyền phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối; quy định các loại phí hoa hồng đại lý (nếu có);

(v) Quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng, trong đó quy định rõ đại lý đổi ngoại tệ phải thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ đổi ngoại tệ; quy định định kỳ tổ chức tín dụng ủy quyền phải kiểm tra hoạt động của các đại lý để đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng và các quy định của pháp luật;

(vi) Thỏa thuận về mức tồn quỹ được để lại và thời hạn phải bán số ngoại tệ tiền mặt mua được cho tổ chức tín dụng ủy quyền.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ (Phụ lục 01 Thông tư số 11/2016/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Có địa điểm đặt đại lý đổi ngoại tệ tại một hoặc nhiều địa điểm theo quy định sau:(i) Cơ sở lưu trú du lịch đã được cơ quan quản lý nhà nước về du lịch xếp hạng từ 3 sao trở lên;(ii) Cửa khẩu quốc tế (đường bộ, đường không, đường thủy);(iii) Khu vui chơi giải trí có thưởng dành cho người nước ngoài được cấp phép theo quy định của pháp luật;(iv) Văn phòng bán vé của các hãng hàng không, hàng hải, du lịch của nước ngoài và văn phòng bán vé quốc tế của các hãng hàng không Việt Nam;(v) Khu du lịch, trung tâm thương mại, siêu thị có khách nước ngoài thăm quan, mua sắm;

+ Có quy trình nghiệp vụ đổi ngoại tệ, có biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình đổi ngoại tệ; tại nơi giao dịch phải có bảng thông báo tỷ

giá công khai, bảng hiệu ghi tên tổ chức tín dụng ủy quyền và tên đại lý đổi ngoại tệ;

+ Được tổ chức tín dụng được phép ủy quyền làm đại lý đổi ngoại tệ;

+ Một tổ chức kinh tế chỉ được làm đại lý đổi ngoại tệ cho một tổ chức tín dụng được phép.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế.

+ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân.

+ Quyết định 21/2008/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế đại lý đổi ngoại tệ.

## Phụ lục 1

(ban hành kèm theo Thông tư 11/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân)

**TỔ CHỨC KINH TẾ      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

Số:

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày....tháng ....năm....

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ ĐỔI NGOẠI TỆ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

*Căn cứ Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN ngày 11/7/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế Đại lý đổi ngoại tệ;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân.*

Tên tổ chức kinh tế:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số ... cấp ngày .../.../...

Cơ quan cấp:

Trên cơ sở hợp đồng đại lý đổi ngoại tệ số ... ngày .../.../... ký giữa ... (tên tổ chức kinh tế) và ... (tên tổ chức tín dụng ủy quyền);

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ... xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ tại các địa điểm sau:

STT	Tên đại lý đổi ngoại tệ	Địa chỉ	Điện thoại, Fax
1	Đại lý đổi ngoại tệ số 1		
2	Đại lý đổi ngoại tệ số 2		
3	Đại lý đổi ngoại tệ số 3		
n	Đại lý đổi ngoại tệ số n		



... (Tên tổ chức kinh tế) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý đối ngoại tệ, ... (tên tổ chức kinh tế) cam kết chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành về đại lý đối ngoại tệ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
*(ký tên, đóng dấu)*